

Bản án số: 769/2022/HS-PT
Ngày 22 tháng 9 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý
Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa
Bà Đinh Ngọc Thu Hương

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 16 đến 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 195/2021/HS-PT ngày 17/3/2021 do có kháng cáo của bị cáo Lý Thị T, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2021/HS-ST ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

1. Lý Thị T, sinh năm 1981; tại Đồng Tháp.

Nơi cư trú: Khóm 2, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Nguyên thủ quỹ, kế toán Phòng Nội vụ huyện T; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn H và bà Lê Thị E; có chồng và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 24/5/2018 và hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2. Võ Hồng M, sinh năm 1975; tại Đồng Tháp.

Nơi cư trú: Khóm 2, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Nguyên Trưởng Phòng Nội vụ huyện T; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn O và bà Lê Thị L; có vợ và 02 con lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Lý Thị T: Ông Trần Hùng Dũng, Luật sư Công ty luật TNHH MTV Thân Ái thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ (có mặt).

- *Bị hại:* Phòng Nội vụ trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại: Ông Đoàn Văn Thuận, chức vụ: Phó Trưởng Phòng Nội vụ huyện T (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Huỳnh Thành N, sinh năm 1984; nơi cư trú: Khóm A A, phường A, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2. Anh Lý Thanh T, sinh năm 1981; nơi cư trú: Khóm A B, phường A, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

3. Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1990; nơi cư trú: Ấp Chiến Thắng, xã Tân Hộ Cơ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phòng Nội vụ huyện T là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Huyện, đồng thời là cơ quan thường trực của Ủy ban bầu cử Huyện, kinh phí hoạt động được cấp từ nguồn ngân sách. Trưởng Phòng Nội vụ được ủy quyền chủ tài khoản của Ủy ban bầu cử Huyện. Trước khi bầu cử, Phòng Nội vụ tập hợp dự trù kinh phí của các tổ bầu cử thành bảng phân khai chi hoạt động bầu cử gửi về Ủy ban bầu cử Tỉnh (Sở Nội vụ) phê duyệt. Sau khi phê duyệt, Ủy ban bầu cử Tỉnh chuyển tiền vào tài khoản cho Ủy ban bầu cử Huyện. Kết thúc bầu cử, Phòng Nội vụ tập hợp chứng từ gửi Ủy ban bầu cử Tỉnh để thẩm tra quyết toán.

Quy trình cấp phát, quyết toán kinh phí khen thưởng: Kinh phí khen thưởng gồm cấp Tỉnh và cấp Huyện (cấp nào ra Quyết định khen thưởng thì cấp đó cấp kinh phí). Kinh phí khen thưởng của cấp Tỉnh được cấp vào tài khoản tiền gửi của Phòng Nội vụ. Đơn vị lập thủ tục rút kinh phí, cấp phát cho đối tượng được khen thưởng và tự chịu trách nhiệm về chứng từ theo quy định, không tổ chức quyết toán; Kinh phí khen thưởng cấp Huyện được cấp vào tài khoản không tự chủ của Phòng Nội vụ. Đơn vị lập thủ tục rút kinh phí, cấp phát cho đối tượng được khen thưởng và quyết toán theo quy định Luật Ngân sách.

Bị cáo Lý Thị T công tác tại Phòng Nội vụ huyện T từ tháng 02/2009 đến ngày 01/10/2018. Từ tháng 3/2009 đến ngày 30/10/2016 phân công làm thủ quỹ, từ ngày 31/10/2016 đến ngày 28/3/2017 phân công làm kế toán và từ ngày 29/3/2017 đến ngày 03/10/2017 phân công làm thủ quỹ.

Bị cáo Võ Hồng M công tác tại Phòng Nội vụ huyện T từ năm 2009 đến nay. Từ ngày 18/7/2016 đến ngày 14/9/2016 làm Phó Trưởng Phòng phụ trách và từ ngày 15/9/2016 đến tháng 7/2018 làm Trưởng Phòng.

1. Hành vi tham ô tài sản.

Trong quá trình làm thủ quỹ và kế toán tại Phòng Nội vụ huyện T, bị cáo Lý Thị T đã chiếm đoạt tổng số tiền 1.408.567.000 đồng từ nguồn tạm ứng ngân

sách (350.000.000 đồng + 843.992.000 đồng) và kinh phí khen thưởng 214.575.000 đồng của Phòng Nội vụ như sau:

Đối với nguồn kinh phí bầu cử còn nợ tạm ứng ngân sách Huyện 350.000.000 đồng:

Trong kỳ bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021, Ủy ban bầu cử huyện T (Phòng Nội vụ) được duyệt cấp kinh phí để tổ chức bầu cử là 1.975.725.000 đồng. Vào đầu năm 2016, Ủy ban bầu cử huyện T đã tạm ứng Ủy ban bầu cử Tỉnh 200.000.000 đồng. Trong lúc chờ kinh phí Ủy ban bầu cử Tỉnh cấp, Ủy ban nhân dân Huyện cho Ủy ban bầu cử Huyện (Phòng Nội vụ) tạm ứng số tiền 350.000.000 đồng (ngày 01/3/2016 tạm ứng 250.000.000 đồng và ngày 07/4/2016 tạm ứng 100.000.000 đồng) để chi cho hoạt động bầu cử.

Đến ngày 19/4/2016, Ủy ban bầu cử Tỉnh cấp kinh phí cho Ủy ban bầu cử huyện T, ông Đinh Ngọc Tâm - Trưởng Phòng Nội vụ, ông Huỳnh Thành N - kế toán lập thủ tục rút tiền mặt số tiền 1.775.725.000 đồng (1.975.725.000 đồng - 200.000.000 đồng tạm ứng trước) và giao cho Lý Thị T - thủ quỹ nhận. Khi làm thủ tục rút tiền, anh N đã lập thủ tục nộp hoàn tạm ứng cho ngân sách Huyện 350.000.000 đồng giao cho bị cáo T để thực hiện nộp. Tuy nhiên bị cáo T không nộp hoàn tạm ứng mà chiếm đoạt số tiền trên. Đến tháng 11/2016, Ủy ban bầu cử Tỉnh duyệt quyết toán số tiền 1.975.725.000 đồng đã cấp cho Ủy ban bầu cử huyện T.

Quá trình điều tra bị cáo T khai nhận: Sau khi rút kinh phí bầu cử Tỉnh cấp ngày 19/4/2016 đã đưa cho anh Huỳnh Thành N - kế toán số tiền 350.000.000 đồng để chi theo danh sách bầu cử do anh N lập riêng. Tuy nhiên bị cáo T không có tài liệu gì chứng minh việc đưa tiền cho anh N.

Đối với bị cáo Võ Hồng M khai nhận: Vào ngày 12/10/2016 (lúc này anh Huỳnh Thành N vẫn còn công tác tại Phòng Nội vụ huyện T), bị cáo M đã giữ chức vụ Trưởng Phòng Nội vụ nhận được thông báo danh mục nợ tạm ứng ngân sách Huyện năm 2016 do Phòng Tài chính - Kế hoạch theo dõi, Phòng Nội vụ còn nợ tạm ứng 1.193.992.000 đồng, trong đó gồm phần nợ tạm ứng kinh phí bầu cử 350.000.000 đồng và phần nợ tạm ứng các khoản khác là 843.992.000 đồng. Bị cáo M hỏi bị cáo T và được bị cáo T trả lời “Đối với số tiền nợ tạm ứng 843.992.000 đồng, Phòng Nội vụ sẽ làm đề nghị để Ủy ban nhân dân Huyện cấp kinh phí bổ sung hoàn tạm ứng, khi nào được Ủy ban duyệt cấp 843.992.000 đồng thì em nộp khoản 350.000.000 đồng kinh phí bầu cử luôn”. Vì vậy bị cáo M nghĩ bị cáo T vẫn còn giữ khoản kinh phí bầu cử Tỉnh cấp 350.000.000 đồng chưa nộp nên bị cáo M không mời ông Đinh Ngọc Tâm và anh Huỳnh Thành N để làm rõ về khoản tiền này. Do đó việc bị cáo T khai nhận đưa 350.000.000 đồng cho anh Huỳnh Thành N là không có cơ sở và kết quả điều tra không đủ căn cứ xác định anh N nhận tiền như lời khai của bị cáo T.

Đối với nguồn kinh phí của ngân sách Huyện cấp bổ sung để hoàn tạm ứng 843.992.000 đồng:

Theo thông báo danh mục nợ tạm ứng ngân sách Huyện năm 2016 của Phòng Tài chính - Kế hoạch theo dõi vào ngày 13/10/2016, Phòng Nội vụ có văn bản số 593/PNV-HC đề nghị cấp bổ sung kinh phí để hoàn nợ tạm ứng Ngân sách. Ngày 21/10/2016, Phòng Tài chính - Kế hoạch có văn bản số 1250/TCKH-NS đề xuất bổ sung kinh phí cho các đơn vị để hoàn tạm ứng ngân sách. Ngày 28/10/2016, Phòng Tài chính - Kế hoạch có văn bản số 1302/TCKH-NS về việc điều chỉnh kinh phí bổ sung về cho Phòng Nội vụ hoàn tạm ứng ngân sách. Theo đó kinh phí bổ sung cấp là 864.408.000 đồng gồm kinh phí chi khen thưởng 644.328.000 đồng (hoàn tạm ứng 623.912.000 đồng và phát sinh thực tế 20.416.000 đồng), kinh phí luân chuyển cán bộ, công chức 58.000.000 đồng và kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021 là 162.080.000 đồng.

Ngày 31/10/2016, Ủy ban nhân dân huyện T có văn bản số 268/UBND-LTPP, bổ sung kinh phí cho các đơn vị để hoàn tạm ứng ngân sách, trong đó có Phòng Nội vụ. Ngày 01/11/2016, Phòng Tài chính - Kế hoạch có văn bản số 234/TC-KH về việc thẩm tra bổ sung dự toán chi đơn vị hành chính sự nghiệp năm 2016. Sau khi được duyệt cấp bổ sung kinh phí để hoàn tạm ứng, Phòng Nội vụ đã lập giấy rút dự toán ngân sách theo hình thức tạm ứng nhiều lần (tổng cộng rút 19 lần, kéo dài từ ngày 03/11/2016 đến ngày 20/12/2016). Bị cáo M - Trưởng Phòng Nội vụ chỉ đạo chị Nguyễn Thị Ngọc L - thủ quỹ sau mỗi lần rút tiền về giao lại cho bị cáo Lý Thị T - kế toán quản lý, tập hợp để nộp hoàn tạm ứng do chị L nhà ở xa, giữ số tiền lớn sợ bị mất. Tuy nhiên sau khi rút kinh phí cấp bổ sung xong, bị cáo T không thực hiện nộp hoàn tạm ứng cho ngân sách.

Quá trình điều tra bị cáo T khai nhận: Sau mỗi lần nhận tiền từ chị Nguyễn Thị Ngọc L giao, bị cáo T giao hết lại cho bị cáo M và được bị cáo M cho lại nhiều lần (mỗi lần từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng) tổng cộng số tiền khoảng 80.000.000 đồng. Tuy nhiên bị cáo T không có tài liệu chứng minh việc đưa tiền cho bị cáo M. Kết quả điều tra không đủ căn cứ xác định bị cáo M nhận tiền theo khai nhận của bị cáo T.

Đối với kinh phí khen thưởng quyết toán không 214.575.000 đồng:

Trong quá trình bị cáo T làm thủ quỹ đơn vị, đã nhận kinh phí khen thưởng về nhưng không chi cho các cá nhân, tổ chức được khen mà chiếm đoạt với tổng số tiền 214.575.000 đồng. Trong đó kinh phí khen thưởng cấp Tỉnh năm 2015 số tiền 6.900.000 đồng (giai đoạn ông Đinh Ngọc Tâm làm Trưởng Phòng), kinh phí khen thưởng cấp Tỉnh năm 2016 số tiền 102.850.000 đồng (giai đoạn bị cáo M làm Trưởng Phòng) và kinh phí khen thưởng cấp Huyện năm 2017 số tiền 104.825.000 đồng (giai đoạn bị cáo M làm Trưởng Phòng).

Quá trình điều tra bị cáo T khai nhận: Đối với kinh phí khen thưởng cấp Tỉnh năm 2015 số tiền 6.900.000 đồng, bị cáo T đã chi nhưng thất lạc chứng từ nên chịu trách nhiệm. Kết quả điều tra xác định bị cáo T chưa chi số tiền trên cho đối tượng được hưởng. Đối với kinh phí khen thưởng cấp Tỉnh năm 2016 và cấp Huyện năm 2017 với tổng số tiền là 207.675.000 đồng, bị cáo T sử dụng 100.000.000 đồng, số tiền còn lại đưa cho bị cáo M.

Quá trình điều tra bị cáo M chỉ thừa nhận có mượn tiền cá nhân bị cáo T nhiều lần với tổng số tiền 96.500.000 đồng để tiếp khách và công tác nhưng đã trả xong. Lần đầu trả cho bị cáo T 60.500.000 đồng không có tài liệu chứng minh, lần cuối trả tiền cho bị cáo T là 36.000.000 đồng vào ngày 05/10/2017 có sự chứng kiến của tập thể đơn vị, nhưng bị cáo T không nhận nên Phòng Nội vụ quản lý và chi trả các khoản bị cáo T chưa chi trong giai đoạn làm thủ quỹ (không nằm trong các khoản Thù y chiếm đoạt) như chi trả tiền chế độ Mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn Thị Tươi 18.755.000 đồng, chi trả tiền làm thẻ công chức 10.000.000 đồng, Phòng Nội vụ còn đang quản lý 7.245.000 đồng.

Ngoài ra trong quá trình điều tra cũng đã làm rõ các khoản không có dấu hiệu bị cáo T thực hiện hành vi chiếm đoạt, cụ thể:

Đối với khoản kinh phí rút chi cho hoạt động tôn giáo năm 2017 số tiền 30.000.000 đồng và khoản kinh phí rút chi hoạt động tham dự hội thi cải cách hành chính cấp Huyện năm 2017 số tiền 25.426.000 đồng: Theo chỉ đạo của bị cáo Võ Hồng M - Trưởng Phòng, bị cáo T có rút về chi tăng thu nhập nhân viên 30.000.000 đồng (nằm trong khoản 60.000.000 đồng chi thu nhập tăng thêm theo kết luận Thanh tra), còn lại chi các cá nhân trong đơn vị tạm ứng công tác chưa quyết toán (trong đó bị cáo M có tạm ứng 8.000.000 đồng do bị cáo T nhờ anh Lý Thanh T đưa và bị cáo M đã nộp trả lại đơn vị). Do đó bị cáo T không chiếm đoạt khoản tiền này.

Đối với số tiền 141.196.000 đồng do anh Lê Thái Bình (chồng bị cáo T) nộp cho Phòng Nội vụ vào ngày 01/10/2017 để khắc phục cho bị cáo T: Vào ngày 01/9/2017, bị cáo T - thủ quỹ đã rút tiền chi trả chế độ nghỉ hưu trước tuổi của ông Đoàn Văn Đăng - Phó Trưởng Phòng Kinh tế - Hạ tầng số tiền 141.196.000 đồng nhưng không chi cho ông Đăng theo quy định. Sau đó Phòng Nội vụ kiểm tra phát hiện, yêu cầu và gia đình bị cáo T đã nộp khắc phục. Số tiền trên Phòng Nội vụ đã tổ chức chi trả cho ông Đăng vào ngày 01/10/2017. Do đó không đủ căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T.

Như vậy trong quá trình làm thủ quỹ và kế toán tại Phòng Nội vụ huyện T, bị cáo T đã lợi dụng chức vụ, nhiệm vụ được giao, việc quản lý lỏng lẻo, thiếu kiểm tra chứng từ và quỹ tiền mặt của lãnh đạo, kế toán để chiếm đoạt tổng số tiền 1.408.567.000 đồng mà mình có trách nhiệm quản lý (350.000.000 đồng + 843.992.000 đồng + 214.575.000 đồng).

2. Hành vi thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng.

Cuối tháng 10/2016, anh Huỳnh Thành N - kế toán Phòng Nội vụ chuyển công tác về Chi Cục thuế thị xã H nên bị cáo Võ Hồng M với chức vụ là Trưởng Phòng đã ra quyết định phân công bị cáo Lý Thị T làm kế toán trong thời gian chờ biên chế mới, phân công chị Nguyễn Thị Ngọc L làm thủ quỹ trong cuộc họp cơ quan, không ra quyết định. Khi được Ủy ban nhân dân huyện T duyệt cấp bổ sung kinh phí để hoàn tạm ứng 843.992.000 đồng, bị cáo M đã chỉ đạo chị L - thủ quỹ sau mỗi lần rút tiền về đưa lại cho bị cáo T - kế toán quản lý để nộp hoàn tạm ứng. Bị cáo M khai việc chỉ đạo này là do chị L nhà ở xa, giữ số

tiền lớn sợ bị mất chứ không phải phân công bị cáo T vừa làm kế toán vừa làm thủ quỹ.

Việc bị cáo M chỉ đạo thủ quỹ phải giao tiền cho kế toán Lý Thị T giữ là sai quy định, mặt khác bị cáo M không tổ chức kiểm tra việc bị cáo T nộp hoàn tạm ứng là không làm hết trách nhiệm người đứng đầu. Ngày 12/10/2016, khi Ủy ban nhân dân Huyện mời họp xử lý nợ tạm ứng, bị cáo M tiếp tục không kiểm tra để phát hiện hành vi chiếm đoạt của bị cáo T. Bị cáo M khai vào cuối tháng 12/2016, bị cáo M hỏi bị cáo T trả lời “đã nộp hoàn tạm ứng xong rồi” nhưng bị cáo M không tổ chức kiểm tra; giữa tháng 3/2017, Ủy ban nhân dân Huyện mời họp xử lý nợ tạm ứng, bị cáo M vẫn tin theo bị cáo T báo là “đã nộp hoàn tạm ứng xong rồi, nhưng sai tài khoản với Kho bạc, đang điều chỉnh” nên không tổ chức kiểm tra; đến giữa tháng 4/2017, khi Đoàn kiểm tra của Sở Tài chính làm việc, bị cáo T đã cung cấp 02 giấy nộp hoàn tạm ứng không trong đó có số tiền 350.000.000 đồng kinh phí bầu cử còn nợ ngân sách Huyện cho Đoàn kiểm tra, sau đó bị cáo T báo với bị cáo M đã giải trình xong rồi. Bị cáo M tiếp tục tin bị cáo T, không tổ chức kiểm tra; đến giữa tháng 9/2017, Ủy ban nhân dân Huyện tiếp tục mời họp xử lý nợ tạm ứng, bị cáo M tin theo bị cáo T báo “đã nộp đúng tài khoản rồi, chờ hạch toán giữa Kho bạc với Phòng Tài chính”, không tổ chức kiểm tra lại. Chính hành vi thiếu trách nhiệm của bị cáo M đã tạo điều kiện thuận lợi cho bị cáo T chiếm đoạt số tiền 843.992.000 đồng trong một thời gian dài mà không bị phát hiện.

Đối với kinh phí khen thưởng cấp Tỉnh năm 2016 và kinh phí khen thưởng cấp Huyện năm 2017, bị cáo Lý Thị T - thủ quỹ không chi tiền cho đối tượng được hưởng mà cung cấp chứng từ khống để quyết toán số tiền 207.675.000 đồng. Bị cáo M xem thấy chứng từ được các bộ phận chuyên môn (kế toán, thủ quỹ và đối tượng được khen thưởng) ký đầy đủ nên đã ký duyệt quyết toán. Do đó không đủ cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự bị cáo M về khoản tiền này vì bị cáo M không thể biết đây là chứng từ giả nên không phát hiện hành vi tham ô tài sản của bị cáo T.

Đối với số tiền 96.500.000 đồng bị cáo M khai mượn cá nhân và đã trả cho bị cáo T (chỉ có 36.000.000 đồng trả ngày 05/10/2016 có tài liệu thể hiện). Kết quả điều tra có căn cứ xác định bị cáo T đã sử dụng kinh phí khen thưởng chưa chi cho các đối tượng được thưởng để đưa cho bị cáo M. Mặc dù không đủ cơ sở xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo M về tội Tham ô tài sản, nhưng có căn cứ xác định tiền bị cáo T đưa cho bị cáo M là do bị cáo T phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định thu hồi số tiền 60.500.000 đồng (96.500.000 đồng - 36.000.000 đồng = 60.500.000 đồng) để trả lại ngân sách. Ngày 03/10/2018, bị cáo M đã nộp số tiền trên vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan điều tra.

Căn cứ Công văn số 479/STC-QLNS ngày 08/3/2018 của Sở Tài chính Đồng Tháp trả lời về nguồn kinh phí hoạt động tại Phòng Nội vụ huyện T bao gồm nguồn kinh phí tự chủ và không tự chủ là nguồn ngân sách cấp.

Như vậy trong thời gian giữ chức vụ Trưởng Phòng Nội vụ huyện T, chủ tài khoản, bị cáo M thực hiện sai nguyên tắc tài chính kế toán, phân công bị cáo

T là kế toán đồng thời lại được quản lý tiền mặt để hoàn tạm ứng nhưng thiếu trách nhiệm, không kiểm tra chứng từ hoàn tạm ứng và quỹ tiền mặt, tạo sơ hở cho bị cáo T chiếm đoạt số tiền kinh phí của ngân sách Huyện cấp bổ sung để hoàn tạm ứng 843.992.000 đồng.

Người đại diện hợp pháp của Phòng Nội vụ huyện T yêu cầu bị cáo Lý Thị T bồi thường số tiền thiệt hại 1.408.567.000 đồng để nộp trả lại ngân sách. Trong quá trình điều tra, anh Huỳnh Thành N tự nguyện nộp 350.000.000 đồng để trả lại ngân sách khắc phục hậu quả, Cơ quan điều tra đã thu hồi 60.500.000 đồng do bị cáo M mượn của bị cáo T. Trong giai đoạn truy tố, bị cáo M nộp 423.000.000 đồng để trả lại ngân sách khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo T gây ra, Phòng Nội vụ còn đang quản lý số tiền do bị cáo M trả cho bị cáo T vào ngày 05/10/2017 là 7.245.000 đồng. Tổng cộng đã thu hồi được số tiền 840.745.000 đồng để nộp lại ngân sách nhà nước, số tiền còn lại bị cáo T phải bồi thường là 567.822.000 đồng (1.408.567.000 đồng - 350.000.000 đồng - 60.500.000 đồng - 423.000.000 đồng - 7.245.000 đồng = 567.822.000 đồng).

Trách nhiệm các cá nhân có liên quan:

- Đối với ông Đinh Ngọc Tâm - Trưởng Phòng Nội vụ từ năm 2013, đến ngày 11/7/2016 điều chuyển về làm Bí thư xã Thông Bình.

Trong kỳ bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021, ông Tâm được ủy quyền chủ tài khoản Ủy ban bầu cử Huyện. Khi được Ủy ban bầu cử Tỉnh cấp kinh phí vào ngày 19/4/2016, ông Tâm đã chỉ đạo kế toán là anh Huỳnh Thành N, thủ quỹ là bị cáo Lý Thị T sau khi rút kinh phí bầu cử được cấp phải làm thủ tục và nộp hoàn tạm ứng 350.000.000 đồng vào ngân sách Huyện đã tạm ứng trước đó. Đến tháng 7/2016, ông Tâm được điều động về làm Bí thư xã Thông Bình. Khi họp đơn vị để bàn giao công việc Trưởng Phòng lại cho bị cáo Võ Hồng M, kế toán (Nhân) và thủ quỹ (bị cáo T) cũng không báo còn nợ khoản tạm ứng trên nên nghĩ bị cáo T đã nộp hoàn tạm ứng xong theo chỉ đạo. Xét thấy ông Tâm đã có chỉ đạo kế toán, thủ quỹ phải làm thủ tục và nộp hoàn tạm ứng 350.000.000 đồng, vì vậy không xem xét trách nhiệm của người đứng đầu đối với ông Tâm trong khoản thiệt hại này.

Đối với kinh phí khen thưởng cấp Tỉnh năm 2015, bị cáo T chiếm đoạt 6.900.000 đồng. Đây là nguồn kinh phí cấp Tỉnh nên đơn vị chỉ làm thủ tục rút về chi cho đối tượng được hưởng, không tổ chức quyết toán. Quá trình công tác, ông Tâm không nghe phản ánh về việc đối tượng khen thưởng chưa nhận được tiền. Tuy nhiên với trách nhiệm người đứng đầu đơn vị khi để bị cáo T chiếm đoạt 6.900.000 đồng từ nguồn kinh phí khen thưởng cấp Tỉnh năm 2015, cần phải xem xét trách nhiệm đối với ông Tâm vai trò thủ trưởng đơn vị.

- Đối với anh Huỳnh Thành N - kế toán Phòng Nội vụ từ năm 2008, đến ngày 30/10/2016 chuyển công tác về Chi Cục thuế thị xã H.

Thực hiện chỉ đạo của ông Đinh Ngọc Tâm, khi lập thủ tục rút kinh phí bầu cử được Tỉnh cấp vào ngày 19/4/2016, anh N đã lập giấy nộp hoàn tạm ứng ngân sách Huyện 350.000.000 đồng đưa cho bị cáo T để nộp hoàn tạm ứng. Tuy nhiên sau khi bị cáo T rút tiền về, anh N chỉ hỏi bị cáo T đã nộp hoàn tạm ứng

350.000.000 đồng cho ngân sách Huyện chưa, không yêu cầu bị cáo T cung cấp giấy nộp tiền để kiểm tra, lưu trữ theo quy định nên không phát hiện được bị cáo T không nộp tiền hoàn tạm ứng. Trong quá trình điều tra, anh N tự nhận thấy việc chiếm đoạt tiền của bị cáo T là có phần trách nhiệm trong việc kiểm tra đối chiếu chứng từ, không kịp thời phát hiện hành vi chiếm đoạt tiền của bị cáo T, không muốn bị xử lý trách nhiệm cá nhân ảnh hưởng đến công việc hiện tại nên ngày 18/9/2018 anh N đã tự nguyện nộp cho Cơ quan điều tra 350.000.000 đồng để nộp trả ngân sách, khắc phục hậu quả. Do đó chưa đủ cơ sở xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh N.

Cơ quan điều tra có văn bản kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T xem xét xử lý trách nhiệm hành chính đối với ông Đinh Ngọc Tâm và anh Huỳnh Thành N là thỏa đáng.

- Đối với chị Nguyễn Thị Ngọc L được phân công làm thủ quỹ từ ngày 01/11/2016 đến ngày 01/3/2017. Với vai trò là thủ quỹ nhưng chị L không quản lý tiền quỹ mà giao cho bị cáo T (kế toán) quản lý là sai quy định. Tuy nhiên việc giao tiền cho bị cáo T quản lý là thực hiện theo chỉ đạo của bị cáo M - Trưởng Phòng, chị L không hưởng lợi trong việc giao tiền cho bị cáo T quản lý nên không xem xét xử lý trách nhiệm. Đến tháng 5/2018, chị L xin thôi công tác tại Phòng Nội vụ huyện T.

- Đối với anh Lý Thanh T được phân công làm kế toán từ tháng 03/2017 đến nay. Với vai trò là kế toán, anh Tuấn chưa kịp thời phát hiện hành vi gian dối của bị cáo T trong việc cung cấp chứng từ khống để lập hồ sơ quyết toán kinh phí khen thưởng cấp Huyện năm 2017. Xét thấy bị cáo T là người chi tiền và cung cấp danh sách người nhận tiền đã có ký nhận nên anh Tuấn không thể kiểm tra để phát hiện sai phạm. Do đó không đủ cơ sở xem xét trách nhiệm đối với anh Tuấn.

- Đối với anh Lê Thái Bình, là chồng của bị cáo Lý Thị T không biết việc chiếm đoạt tiền của bị cáo T và không sử dụng tiền chiếm đoạt nên không truy cứu trách nhiệm hình sự và không buộc liên đới bồi thường.

Trách nhiệm của những đơn vị có liên quan:

Cơ quan điều tra đã có văn bản đề nghị Sở Tài chính và Kho bạc Nhà nước Tỉnh thẩm định, xác định quy trình cấp phát và kiểm soát chi bổ sung kinh phí hoàn tạm ứng cho Phòng Nội vụ. Theo kết quả trả lời của Sở Tài chính và Kho bạc Nhà nước Tỉnh là do chưa có quy định rõ ràng trong công tác phối hợp cấp phát và kiểm soát chi kinh phí cấp bổ sung để hoàn tạm ứng nên chưa đủ căn cứ xem xét trách nhiệm đối với cán bộ liên quan của Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện T.

Cơ quan điều tra đã ban hành văn bản kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T chỉ đạo các cơ quan chuyên môn kiểm tra, chấn chỉnh công tác điều hành, quản lý tài chính, ngân sách cũng như công tác bổ nhiệm, phân công cán bộ, công chức tại Phòng Nội vụ; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, tham mưu đề xuất quy định, quy chế phối hợp giữa cơ quan Tài chính - Kho bạc trong công

tác cấp phát, kiểm soát chi kinh phí bổ sung hoàn tạm ứng và theo dõi nợ tạm ứng để tránh thiệt hại ngân sách.

Ngoài ra theo kết luận thanh tra về việc quyết toán không kinh phí nguồn không tự chủ để chi thu nhập tăng thêm cho công chức năm 2016 là 75.000.000 đồng và năm 2017 là 60.000.000 đồng, quá trình điều tra không đủ tài liệu chứng minh hồ sơ quyết toán không, chỉ có danh sách các cá nhân liên quan nhận tiền. Hơn nữa các cá nhân liên quan đã nộp tiền khắc phục theo kiến nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện nên chưa đủ cơ sở xem xét xử lý.

Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2019/HS-ST ngày 18/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã tuyên bố bị cáo Lý Thị T phạm tội “Tham ô tài sản” và bị cáo Võ Hồng M phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo T kháng cáo kêu oan.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 515/2019/HS-PT ngày 11/9/2019, Tòa án cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét thấy việc điều tra của cấp sơ thẩm chưa đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Để có cơ sở xem xét toàn diện, khách quan vụ án, tránh để lọt người, sai tội nên đã tuyên hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2019/HS-ST ngày 18/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp điều tra lại.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2021/HSST ngày 03/02/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 và khoản 5 Điều 353; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Lý Thị T phạm tội “Tham ô tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lý Thị T 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/5/2018.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo Lý Thị T bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2. Căn cứ vào điểm c khoản 2 và khoản 4 Điều 360; điểm b, s, t, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Võ Hồng M phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

Xử phạt bị cáo Võ Hồng M 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo M về Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo Võ Hồng M bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định thời hạn 01 năm kể từ ngày chấp hành xong thời gian thử thách của án treo.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/02/2021 bị cáo T kháng cáo cho rằng tòa án cấp sơ thẩm xét xử chưa đúng người đúng tội, bỏ lọt tội phạm, xử lý không công bằng; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 19/QĐ-VC3-V1 ngày 04/03/2021 đối với một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2021/HS-ST ngày 03/02/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp theo hướng hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ cho Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp để điều tra xét xử lại vụ án.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm như sau: Huỳnh Thành N là kế toán của Phòng nội vụ nhưng thiếu trách nhiệm không kiểm tra, yêu cầu nộp lại hồ sơ hoàn tạm ứng số tiền 350.000.000 đồng, dẫn đến bị cáo T chiếm đoạt số tiền này của Phòng nội vụ nên N có dấu hiệu phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Bị cáo Võ Hồng M có hành vi chỉ đạo thủ quỹ sau khi rút được tiền về giao cho bị cáo T là kế toán quản lý, hoàn tạm ứng là trái nguyên tắc tạo điều kiện để bị cáo T chiếm đoạt số tiền 843.992.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo M về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” là không chính xác. Bị cáo M thực hiện hành vi trái nguyên tắc nên có dấu hiệu của tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ gây hậu quả nghiêm trọng”. Do bỏ lọt tội phạm và khởi tố, truy tố, xét xử không đúng tội danh nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ cho Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp để điều tra lại vụ án.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T đồng tình với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị hủy án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án cho đúng pháp luật, bảo đảm công bằng giữa các bị cáo. Bị cáo T nhất trí với lời trình bày của luật sư.

Bị cáo Võ Hồng M trình bày: Do thủ quỹ là Nguyễn Thị Ngọc L mới sinh con, nhà lại ở xa cơ quan nên cơ quan thống nhất là sau khi Linh rút được tiền thì về giao cho Thúy quản lý và làm thủ tục hoàn tạm ứng cho Ngân sách nhà nước, nhằm mục đích thuận tiện cho Linh và Thúy chứ không cố ý làm trái nguyên tắc để tạo điều kiện cho bị cáo T chiếm đoạt tiền. Đoàn kiểm tra, thanh tra tài chính của huyện khi kiểm tra cũng không phát hiện được hành vi chiếm đoạt tiền của bị cáo T nên bị cáo M rất tin tưởng; đến khi đoàn kiểm tra cho biết có chứng từ nộp tiền, bị cáo nhờ đoàn kiểm cung cấp chứng từ, sau khi kiểm tra mới biết chứng từ giả, do Công an điều tra phát hiện. Thực tế, bị cáo đã mượn tiền của bị cáo T rất nhiều lần để tiếp khách cũng như đi công tác, học tập số tiền trên 90 triệu đồng, bị cáo đã trả một phần, còn lại 36 triệu đồng bị cáo trả cho bị cáo T tại cuộc họp, toàn thể cơ quan chứng kiến. Bị cáo M cho rằng

không có liên quan đến số tiền bị cáo T chiếm đoạt, hành vi của bị cáo không trực tiếp gây thiệt hại tài sản nhà nước nên Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” là phù hợp.

Anh Huỳnh Thành N trình bày: N đã chuẩn bị hồ sơ và giao cho bị cáo T làm thủ tục hoàn tiền tạm ứng do khi chuyển công tác thì chưa đến ngày quyết toán; sau khi chuyển công tác N vì tin tưởng nên không kiểm tra để bị cáo T đã chiếm đoạt số tiền 350.000.000 đồng. Vì thấy có lỗi và không muốn liên lụy công tác nên N tự nguyện giao nộp số tiền trên để khắc phục chứ không chiếm đoạt và cũng không cố ý tạo điều kiện để bị cáo T chiếm đoạt số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Đơn kháng cáo của bị cáo Lý Thị T, Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 19/QĐ-VC3-V1 ngày 04/03/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đúng theo quy định pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1]. Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo T thì thấy: Theo tài liệu của Cơ quan điều tra thu thập, từ tháng 4/2016 đến tháng 10/2017, bị cáo T lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao làm thủ quỹ, kế toán tại Phòng nội vụ huyện T, đã chiếm đoạt số tiền mà bị cáo T có trách nhiệm quản lý là 1.408.567.000 đồng, gồm: tạm ứng ngân sách Huyện 350.000.000 đồng, kinh phí của ngân sách Huyện cấp bổ sung để hoàn tạm ứng 843.992.000 đồng và kinh phí khen thưởng 214.575.000 đồng của Phòng nội vụ huyện T, phù hợp với lời khai của bị cáo T tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa. Bị cáo T cho rằng đã giao 350.000.000 đồng cho kế toán Huỳnh Thành N và 843.992.000 đồng đã giao rất nhiều lần cho bị cáo Võ Hồng M nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện đã giao tiền cho Nhân và bị cáo M; đồng thời Cơ quan điều tra cũng không chứng minh được số tiền trên bị cáo T đã giao cho N và bị cáo M. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo chiếm đoạt số tiền 1.408.567.000 đồng và xét xử bị cáo phạm tội: “Tham ô tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng tội, không oan, không sai. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và xử phạt bị cáo T 15 năm tù, dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, là đã xem xét chiều cố cho bị cáo.

[2]. Huỳnh Thành N được phân công làm kế toán của Phòng nội vụ huyện T từ năm 2008, đến ngày 30/10/2016 thì chuyển công tác về Chi cục thuế thị xã H; thực hiện chỉ đạo của ông Đinh Ngọc Tâm (Trưởng Phòng nội vụ từ năm 2013 đến ngày 11/7/2016), N lập thủ tục rút kinh phí bầu cử được tỉnh cấp, đồng thời ngày 19/4/2016 N lập giấy nộp hoàn tạm ứng ngân sách huyện T 350.000.000 đồng và đưa cho bị cáo T thực hiện nộp hoàn tạm ứng cho ngân sách huyện T. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo T cho rằng số tiền 350.000.000 đồng này bị cáo T đã giao cho N. Song, bị cáo T không cung cấp được chứng cứ giao tiền cho N và Cơ quan điều tra cũng không chứng minh được N chiếm đoạt số tiền này.

Như vậy, việc N lập giấy nộp hoàn tạm ứng ngân sách huyện và đưa cho bị cáo T thực hiện là đúng chức trách, nhiệm vụ được giao, tuy nhiên N chỉ hỏi miệng mà không yêu cầu bị cáo T giao nộp chứng từ hoàn tạm ứng để lưu hồ sơ là có sai sót, do đến cuối tháng 10/2016 N chuyển công tác khi chưa đến hạn quyết toán, đối chiếu nợ với ngân sách nên không nắm được còn nợ tạm ứng, sai sót này thuộc về hành chính. N đã tự nguyện nộp 350.000.000 đồng hoàn trả ngân sách nhà nước nhằm mục đích không ảnh hưởng đến công tác và vì thấy có lỗi khi không yêu cầu T giao nộp lại chứng từ. Vì vậy, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp không khởi tố, truy tố đối với N là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Ngày 01/11/2016, Phòng Tài chính - Kế hoạch có Văn bản số 234/TC-KH về việc thẩm tra bổ sung dự toán chi đơn vị hành chính sự nghiệp năm 2016. Sau khi được duyệt cấp bổ sung kinh phí để hoàn tạm ứng, Phòng Nội vụ đã lập giấy rút dự toán ngân sách theo hình thức tạm ứng nhiều lần (tổng cộng rút 19 lần, từ ngày 03/11/2016 đến ngày 20/12/2016) với số tiền 843.992.000 đồng. Bị cáo M - Trưởng Phòng Nội vụ chỉ đạo Nguyễn Thị Ngọc L là thủ quỹ sau mỗi lần rút tiền về giao lại cho bị cáo T là kế toán quản lý, tập hợp để nộp hoàn tạm ứng là trái nguyên tắc, nhiệm vụ, công vụ được giao nhưng tại thời điểm này hành vi của bị cáo M chưa gây thiệt hại tài sản; nếu bị cáo M làm trái công vụ nhưng quản lý, kiểm tra, đôn đốc bị cáo T thực hiện đúng nhiệm vụ, công vụ thì bị cáo T không có điều kiện để phạm tội “Tham ô tài sản”; nếu bị cáo M không làm trái công vụ nhưng bị cáo T muốn chiếm đoạt tài sản thì hậu quả vẫn xảy ra và thực tế sau khi quản lý tài sản, T có hành vi làm giả hồ sơ hoàn tiền tạm ứng, chỉ khen thưởng để chiếm đoạt tài sản. Tội danh “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” thiệt hại xảy ra phải có quan hệ nhân quả với hành vi làm trái công vụ, hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn làm trái công vụ là nguyên nhân của hậu quả đã xảy ra. Như phân tích ở trên thì hành vi của bị cáo M không phải là nguyên nhân để gây ra hậu quả và lỗi của bị cáo M không phải cố ý, chỉ vì thủ quỹ L mới sinh con nhỏ nhà lại xa cơ quan nên mới chỉ đạo L rút tiền giao cho bị cáo T quản lý, để bị cáo T thực hiện hoàn tạm ứng nhanh chóng với ý thức tạo thuận lợi cho L và bị cáo T trong công việc, chứ bị cáo M không có động cơ vụ lợi hay cá nhân khác. Hơn nữa, cơ quan điều tra cũng không xác định được bị cáo M nhận tiền ăn chia với bị cáo T nên không đồng phạm với bị cáo T. Bị cáo M tự khai nhận trong quá trình công tác, có mượn tiền của bị cáo T rất nhiều lần để tiếp khách, chi phí công tác và học tập với số tiền trên 90 triệu đồng, bị cáo M đã trả một phần, còn lại 36 triệu đồng bị cáo M đã trả cho bị cáo T có sự chứng kiến của cán bộ cơ quan, sau khi phát hiện hành vi sai phạm của bị cáo T. Nay bị cáo T không thừa nhận cho bị cáo M mượn tiền, cho rằng bị cáo M có hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc động cơ vụ lợi khác là chưa đủ căn cứ. Do thiếu trách nhiệm, bị cáo M không thực hiện đúng nhiệm vụ kiểm tra, đôn đốc dẫn đến bị cáo T chiếm đoạt tài sản. Vì vụ án được phát hiện sau ngày 01/01/2018 nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo M phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 360 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là phù hợp với khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4]. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận; không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo T, không chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 19/QĐ-VC3-V1 ngày 04/03/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị cáo T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

I. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Lý Thị T, không chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 19/QĐ-VC3-V1 ngày 04/03/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2021/HS-ST ngày 03/02/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp như sau:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 và khoản 5 Điều 353; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Lý Thị T phạm tội: “Tham ô tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Lý Thị T 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/5/2018.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo Lý Thị T bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2. Căn cứ điểm c khoản 2 và khoản 4 Điều 360; điểm b, s, t, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Võ Hồng M phạm tội: “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

Xử phạt: Bị cáo Võ Hồng M 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Võ Hồng M cho Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo Võ Hồng M bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định thời hạn 01 năm kể từ ngày chấp hành xong thời gian thử thách của án treo.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

II. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lý Thị T nộp 200.000 đồng.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp;
- CA tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu (7)

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý